

GẶP KHÓ TẠI VÙNG CẢN MẠNH

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

| | |
|------------|--|
| MUA | Đối với hoạt động trading, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp rung lắc trong phiên để thực hiện mua trading T+, ưu tiên các vị thế có sẵn trong danh mục. |
| BÁN | Xem xét bán cơ cấu đối với các cổ phiếu có tín hiệu suy yếu ở vùng cản mạnh chuyển sang nhóm cổ phiếu chưa tăng nhiều hoặc đang có nền tích lũy chặt. |

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

| | |
|------------|-------------------|
| STB | MUA |
| | ↑ 12,66% |
| | VND 35.600 |

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phiên 29/3, thị trường chứng khoán Mỹ đóng cửa nghỉ lễ Thứ Sáu tuần Thánh.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường tiếp tục chịu áp lực chốt lời khi tiến sát vùng cản tâm lý 1.300 điểm, thể hiện qua nền giảm điểm và thanh khoản giảm so với phiên trước. Dự kiến thị trường sẽ có trạng thái giằng co và thăm dò cung cầu trong thời gian tới trước khi có tín hiệu cụ thể hơn. Xét cả tuần thì đây là một tuần giao dịch giằng co trong biên độ hẹp, việc VNDIRECT dừng giao dịch trong một tuần qua vừa là nguyên nhân trực tiếp vừa là nguyên nhân gián tiếp tác động đến thanh khoản cũng như xu hướng thị trường.

Thị trường thế giới

| Chỉ số | Điểm số | %Chg | YTD |
|--------------------|-----------|-------|-------|
| Dow Jones | 39.807,37 | 0,12 | 5,62 |
| S&P 500 | 5.254,35 | 0,11 | 10,16 |
| Nasdaq | 16.379,46 | -0,12 | 9,11 |
| VIX | 13,01 | 1,80 | 4,50 |
| DAX | 18.492,49 | 0,08 | 10,39 |
| FTSE 100 | 7.952,62 | 0,26 | 2,84 |
| CAC40 | 8.205,81 | 0,01 | 8,78 |
| Hang Seng | 16.541,42 | 0,91 | -2,97 |

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

| | Ngày | Tuần | Tháng |
|--------------------------|------------|------------|------------|
| Xu hướng VN-Index | BUY | BUY | BUY |

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|--------------------|-----------------|------------|
| RSI (14) | 62,15 | BUY |
| MACD(12,26) | 16,77 | BUY |
| ADX(14) | 28,97 | BUY |
| SMA5 | 1.281,49 | BUY |
| SMA20 | 1.265,04 | BUY |
| SMA50 | 1.224,25 | BUY |
| SMA100 | 1.170,24 | BUY |
| SMA200 | 1.167,76 | BUY |

ĐIỂM TIN CHÍNH

- GDP quý 1/2024 ước tính tăng 5,66% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của quý 1 trong suốt 4 năm gần đây 2020-2023. Đáng chú ý, sản xuất công nghiệp tiếp đà khởi sắc, hoạt động thương mại dịch vụ sôi động đẩy tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,2%
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 giảm 0,23% so với tháng trước do hiệu ứng sau Tết. Tính chung quý I năm 2024, CPI tăng 3,77% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản tăng 2,81%.
- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý I/2024 vừa được Tổng Cục Thống kê công bố cho thấy tính đến ngày 25/3/2024, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 0,26%. Cùng kỳ năm ngoái, tăng trưởng tín dụng ở mức 1,99%. Như vậy, sau gần ba tháng, tín dụng cuối cùng cũng đã có dấu hiệu tăng trưởng so với thời điểm cuối năm 2023.
- Cán cân thương mại hàng hóa sơ bộ tháng 2 xuất siêu 1,38 tỷ USD, hai tháng xuất siêu 5,15 tỷ USD; tháng 3 ước tính xuất siêu 2,93 tỷ USD. Tính chung quý I, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 8,08 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 4,93 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 4,49 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 12,57 tỷ USD.
- Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), xuất khẩu thủy sản quý I ước đạt gần 2 tỷ USD, tăng hơn 8% so với cùng kỳ. Riêng trong tháng 3, xuất khẩu thủy sản ước đạt trên 770 triệu USD, tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ. Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc - Hong Kong là 3 thị trường nhập khẩu lớn nhất.
- **MWG:** Từ ngày 27/2 đến 26/3, ông Robert Alan Willett, Thành viên HĐQT không điều hành Thế giới Di động đã bán ra 1,1 triệu cổ phiếu MWG, giảm sở hữu từ 0,548%, về 0,473% vốn điều lệ. Thêm nữa, từ ngày 14/3 đến ngày 22/3, bà Nguyễn Thị Thu Tâm, em gái ông Nguyễn Đức Tài, Chủ tịch HĐQT Công ty đã bán ra 200.000 cổ phiếu MWG, giảm sở hữu từ 529.554 cổ phiếu (0,036% vốn điều lệ), về 329.554 cổ phiếu (0,023% vốn điều lệ).
- **DPM:** Năm nay, Đạm Phú Mỹ đặt kế hoạch kinh doanh với chỉ tiêu tổng doanh thu 12.755 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 660 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 541 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 263 tỷ đồng.
- **DRI:** DRI đặt kế hoạch tổng doanh thu năm 2024 gần 463 tỷ đồng, tăng 9% so với thực hiện 2023, trong đó doanh thu bán hàng gần 455 tỷ đồng, tăng 2.5%; doanh thu tài chính và thu nhập khác 8 tỷ đồng, giảm mạnh 57%.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số | Giá (USD) | %Chg | YTD |
|-----------|-----------|-------|--------|
| Vàng | 2.258,64 | 1,29 | 9,48 |
| Dầu WTI | 83,24 | 0,08 | 16,18 |
| Dầu Brent | 87,01 | 0,01 | 12,94 |
| Than | 132,00 | 0,69 | -9,84 |
| Đồng | 8.867,00 | 0,20 | 3,60 |
| Quặng sắt | 103,74 | 0,22 | -24,78 |
| Thép | 532,00 | -0,75 | -5,78 |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số | Giá | %Chg | YTD |
|---------|---------|-------|-------|
| DXY | 104,478 | -0,01 | 3,10 |
| USD/JPY | 151,28 | 0,05 | -6,77 |
| USD/CNY | 7,2269 | -0,06 | -1,76 |
| EUR/USD | 1,0791 | 0,01 | -2,25 |
| GBP/USD | 1,263 | 0,06 | -0,79 |

Lãi suất một số NHTW

| NHTW | Lãi suất | Cuộc họp tiếp theo | Thay đổi gần nhất |
|------|----------|--------------------|-------------------|
| FED | 5,50% | 20/03/2024 | 0 |
| ECB | 4,50% | - | 0 |
| BOE | 5,25% | 21/03/2024 | 0 |
| BOJ | -0,10% | 19/03/2024 | 0 |
| SBV | 6,50% | - | -50bp |

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

| Mã CP | GTGD | Giá | %Chg |
|-------|--------|--------|-------|
| DIG | 546,47 | 32.200 | -1,53 |
| SSI | 678,42 | 38.500 | -1,66 |
| HPG | 450,19 | 30.250 | -0,98 |
| VND | 774,33 | 22.950 | -1,08 |
| VIX | 603,47 | 20.550 | -2,14 |

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

| Mã CP | Vốn hóa | Giá | %Chg |
|-------|------------|--------|-------|
| VCB | 530.404,76 | 94.900 | -0,84 |
| BID | 296.992,71 | 52.100 | -0,95 |
| CTG | 190.903,21 | 35.550 | -0,56 |
| VHM | 186.584,65 | 42.850 | -1,04 |
| GAS | 184.198,54 | 80.200 | -0,12 |

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

STB

Khuyến nghị

MUA

Giá hiện tại

31.600

Giá mục tiêu

35.600

Tiềm năng tăng giá

12,66%

Vùng giải ngân

30.000-31.500

Ngưỡng cắt lỗ

<29.100

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Việc hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ tài chính tại Đề án tái cơ cấu sẽ cho phép Sacombank đẩy nhanh tiến độ đấu giá 32,5% vốn cổ phần tại Công ty Quản lý Tài sản (VAMC). Dự kiến Sacombank sẽ hoàn thành sớm nhất việc đấu giá trên vào quý 2/2024.
- Sacombank vừa được tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Moody's nâng bậc Xếp hạng tín nhiệm Nhà phát hành và Tiền gửi nội tệ, ngoại tệ dài hạn lên 1 bậc.
- Bên cạnh đó, STB được kỳ vọng sẽ đấu giá thành công Khu công nghiệp Phong Phú trong năm 2024; qua đó, giúp gia tăng tài sản sinh lời, tạo dư địa tăng trưởng cao trong giai đoạn tới.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- STB vẫn động trên nền tích lũy khá chặt quanh vùng 30.000-31.000 đồng. Phiên tăng giá (28/03) kèm thanh khoản cao đang mở ra triển vọng cổ phiếu bước vào nhịp tăng mới. Vùng cản quan trọng 32.500 đồng, hỗ trợ vùng 30.800-31.500 đồng.

Thông tin tài chính

| | FY2021 | FY2022 | Q4 2023 |
|--------------------|--------|--------|---------|
| DTT (tỷ đ) | 17.704 | 26.141 | 6.708 |
| LNTT (tỷ đ) | 4.400 | 6.339 | 2.755 |
| LNST (tỷ đ) | 3.411 | 5.041 | 2.259 |
| Ng/VCSH (%) | 108 | 167 | 147 |
| ROE (%) | 9,50 | 13,83 | 18,30 |
| ROA (%) | 0,67 | 0,91 | 1,22 |
| EPS (VNĐ) | 1.630 | 2.674 | 4.094 |
| P/E (lần) | 19,3 | 8,4 | 7,82 |
| P/B (lần) | 1,73 | 1,10 | 1,32 |

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

| | Ngày | Tuần | Tháng |
|-------------------------|----------------|------------------|------------|
| Xu hướng | BUY | BUY | BUY |
| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động | |
| RSI (14) | 56,33 | BUY | |
| MACD(12,26) | 0,20 | BUY | |
| ADX(14) | 22,87 | BUY | |
| SMA5 | 31.270 | BUY | |
| SMA20 | 31.030 | BUY | |
| SMA50 | 30.770 | BUY | |
| SMA100 | 29.570 | BUY | |
| SMA200 | 29.940 | BUY | |

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | +/- |
|--|-------------|---------|-----------|-----------|---------|--------------|------------|----------|---------|--------|
| Danh mục theo dõi | | | | | | | | | | |
| Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua | | | | | | | | | | |
| 1 | STB | Nắm giữ | 30-31,5 | 29/2/2024 | 31,3 | 35,6 | 29,1 | | | 0,96% |
| 2 | MWG | Nắm giữ | 45-47,5 | 5/3/2024 | 47,5 | 54,3 | 44,2 | | | 7,58% |
| 3 | VGC | Nắm giữ | 54-55,5 | 13/3/2024 | 55,5 | 61,8 | 51,8 | | | 5,23% |
| 4 | KSB | Nắm giữ | 25,5-26,5 | 15/3/2024 | 26,2 | 29,5 | 24,6 | | | 0,00% |
| 5 | DPM | Mua | 34,5-36 | 27/3/2024 | 35,85 | 39,8 | 33,8 | | | -0,14% |
| 6 | CII | Mua | 18,8-19,5 | 28/3/2024 | 19,3 | 21,8 | 18,5 | | | -1,04% |

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | +/- |
|-----|-------------|-------------|------------|------------|---------|--------------|------------|------------|---------|--------|
| 1 | MWG | Chốt lời | 39,6-40,8 | 5/6/2023 | 40,8 | 54,8 | 37,8 | 31/7/2023 | 54 | 32,35% |
| 2 | NLG | Chốt lời | 31,3-32,45 | 9/6/2023 | 32 | 38,3 | 30,2 | 18/7/2023 | 38,3 | 19,69% |
| 3 | MWG | Hạ tỷ trọng | 39,6-40,8 | 5/6/2023 | 40,8 | 47,8 | 37,8 | 11/7/2023 | 48,8 | 19,61% |
| 4 | DGW | Chốt lời | 54,5-56 | 16/2/2024 | 56 | 63,2 | 53,9 | 13/3/2024 | 64,3 | 16,07% |
| 5 | HCM | Chốt lời | 21,1-22 | 20/12/2023 | 21,9 | 24,3 | 20,4 | 2/1/2024 | 25,4 | 15,98% |
| 6 | SSI | Chốt lời | 27,8-28,8 | 26/10/2023 | 27,2 | 32,8 | 26,9 | 10/11/2023 | 31,5 | 15,81% |
| 7 | DBC | Chốt lời | 20,3-20,6 | 20/6/2023 | 20,6 | 23,6 | 19,2 | 6/7/2023 | 23,85 | 15,78% |
| 8 | DGW | Chốt lời | 32,4-33 | 16/5/2023 | 33 | 37,2 | 30,7 | 6/6/2023 | 37,8 | 14,55% |
| 9 | VPB | Chốt lời | 18,6-19,2 | 26/4/2023 | 19,2 | 22,6 | 17,9 | 1/8/2023 | 21,95 | 14,32% |
| 10 | ANV | Chốt lời | 34,8-36,3 | 11/9/2023 | 36,3 | 41,2 | 33,8 | 22/9/2023 | 41,2 | 13,50% |
| 11 | DGW | Chốt lời | 49-51,5 | 21/11/2023 | 50 | 57,8 | 48 | 8/1/2023 | 56,7 | 13,40% |
| 12 | HCM | Chốt lời | 25,9-26,3 | 12/6/2023 | 26,3 | 29,5 | 24,5 | 5/7/2023 | 29,8 | 13,31% |
| 13 | SSI | Chốt lời | 28,0-28,6 | 1/8/2023 | 28,6 | 33,5 | 27,4 | 25/8/2023 | 32,3 | 12,94% |
| 14 | PVS | Chốt lời | 30,4-31,2 | 22/8/2023 | 31,2 | 35,2 | 29,3 | 30/8/2023 | 35,2 | 12,82% |
| 15 | HPG | Chốt lời | 24,8-25,8 | 22/8/2023 | 25,8 | 29,1 | 24 | 7/9/2023 | 29,1 | 12,79% |
| 16 | NKG | Chốt lời | 17,3-17,7 | 5/7/2023 | 17,5 | 20,4 | 16,3 | 21/7/2023 | 19,7 | 12,57% |
| 17 | KSB | Chốt lời | 26,6-27,1 | 8/6/2023 | 27,1 | 30,5 | 25,2 | 27/6/2023 | 30,5 | 12,55% |
| 18 | NKG | Chốt lời | 20,3-20,8 | 24/11/2023 | 20,8 | 23,9 | 19,6 | 30/11/2023 | 23,35 | 12,26% |
| 19 | HAH | Chốt lời | 34-35,5 | 23/11/2023 | 35 | 40,7 | 32,9 | 26/12/2023 | 39,2 | 12,00% |
| 20 | GVR | Chốt lời | 18,9-19,3 | 28/6/2023 | 19,3 | 22,3 | 18 | 11/7/2023 | 21,6 | 11,92% |
| 21 | VCG | Chốt lời | 25,5-26,2 | 18/8/2023 | 26,2 | 29,3 | 24,5 | 5/9/2023 | 29,3 | 11,83% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | +/- |
|-----|-------------|----------|-----------|------------|---------|--------------|------------|-----------|---------|--------|
| 1 | DGW | Chốt lời | 49-51,5 | 21/11/2023 | 50 | 57,8 | 48 | 8/1/2024 | 56,7 | 13,40% |
| 2 | HSG | Chốt lời | 21-21,8 | 10/1/2024 | 21,5 | 23,9 | 20,2 | 29/1/2024 | 23,45 | 9,07% |
| 3 | CTS | Chốt lời | 28-28,85 | 9/1/2024 | 28,7 | 32,1 | 27 | 5/2/2024 | 31,3 | 9,06% |
| 4 | DCM | Chốt lời | 31-32,5 | 22/11/2023 | 31,5 | 36,7 | 30 | 16/2/2024 | 34 | 7,94% |
| 5 | HAH | Chốt lời | 38-39,5 | 10/1/2024 | 38,9 | 43,3 | 36,5 | 19/2/2024 | 41,45 | 7,46% |
| 6 | PVD | Chốt lời | 26,5-27,2 | 22/1/2024 | 27,2 | 30,6 | 25,4 | 20/2/2024 | 28,95 | 6,62% |
| 7 | VCI | Chốt lời | 41,5-42,5 | 29/12/2023 | 42 | 48,2 | 40 | 21/2/2024 | 45 | 7,14% |
| 8 | DXG | Cắt lỗ | 18,6-19,2 | 5/1/2024 | 19 | 21,5 | 18 | 23/2/2024 | 18 | -5,26% |
| 9 | VHC | Chốt lời | 63,5-65 | 19/2/2024 | 64,7 | 71,5 | 60,9 | 28/2/2024 | 70,9 | 9,58% |
| 10 | VGC | Chốt lời | 51,8-53,5 | 31/1/2024 | 52,5 | 59,1 | 49,8 | 5/3/2024 | 56,9 | 8,19% |
| 11 | VCG | Cắt lỗ | 24,8-25,2 | 29/1/2024 | 25,2 | 28,5 | 23,9 | 11/3/2024 | 23,9 | -5,16% |
| 12 | DGW | Chốt lời | 54,5-56 | 16/2/2024 | 56 | 63,2 | 53,9 | 13/3/2024 | 64,3 | 16,07% |
| 13 | VCI | Chốt lời | 46-48 | 6/3/2024 | 47,5 | 55,2 | 44,5 | 15/3/2024 | 52,3 | 11,58% |
| 14 | VND | Cơ cấu | 22,8-23,8 | 4/3/2024 | 23 | 27,3 | 21,8 | 26/3/2024 | 23,05 | 0,22% |
| 15 | NKG | Chốt lời | 23-23,8 | 15/3/2024 | 23,75 | 27,6 | 22,4 | 28/3/2024 | 26,1 | 9,89% |

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE HDT vẫn tiếp tục tận dụng những phần tăng điểm chốt lợi ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

👍👎🔖 2

| Khuyến nghị 22/10/2024 | | |
|------------------------|----------------------|----------|
| NI CP | NVL | Tỷ lệ |
| Mua | 16.34.5 | |
| Cắt B | Đèo 14 | -4.17% |
| Chia M 1 (50%) | 18.07 | -17%-18% |
| Chia M 2 (50%) | 21.02 | -18-17% |
| NI CP | | |
| MSN | | |
| Tỷ lệ | | |
| Mua | 65.66 | |
| Cắt B | (Cá thể DCA + 41.62) | |
| Chia M 1 (50%) | Đèo 99 | -4.5% |
| Chia M 2 (50%) | 72.78 | -17%-14% |
| Năm giờ | | |
| NI CP | | |
| GEX | | |
| Tỷ lệ | | |
| Mua | 21.21.5 | |
| Cắt B | 19.4 | -4.4% |
| Chia M 1 (50%) | 23.04 | -7%-12% |
| Chia M 2 (50%) | 25.4.26 | -17%-14% |

by Thanh Danh @g0886.01

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mô chứng khoán MWG

Tổng khối lượng CK 180,000

Giá vốn trung bình 43.34

Giá đầu tư 99,800 đ

Giá trị thị trường 8,280,000,000 đ

Lãi/Lỗ (tỷ Hết) +479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/7, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/7.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập ginlabs.vn/room